

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/03/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+RC3+TD1	7:25	2+0+17	0+0+0		0+1+20	0+0+0	
2		P10+CLO	7:25	11+11	0+0		10+12	0+0	
3		P4+P2	7:25	7+15	0+0		4+18	0+0	
4		BK10+P10	9:25	6+16	0+0		5+17	0+0	
5		P11+CLO	9:25	10+12	0+0		2+20	0+0	
6		P11+P9	9:25	15+7	0+0		13+9	0+0	
7		P3+BK3+TD3	11:25	3+6+12	0+0+0		0+5+14	0+0+0	
8		P9	11:25	22	0		22	0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/03/2024	TO: RP1 - RC3 - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.ANH - MQUÂN	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG THẮNG	RP1	36	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN LINH	RP1	35	1	5		75	NPI	Vietnamese
3	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	192	1	2	60	75	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ QUỐC BẢO	TD1	94	1	2		65	KHOAN	Vietnamese
5	ĐÌNH XUÂN HÒA	TD1	97	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
6	HOÀNG ANH TUÂN	TD1	91	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÌNH VĂN TRỌNG	TD1	92	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ DANH TÀI	TD1	1000,89	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
9	KARPUNIN ALEXEY	TD1	90	1	16		97	KHOAN	Russian
10	VÕ TÀI HOÀNG ANH	TD1	98	1	9		73	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	96	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	93	1	4		93	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ THAI THANH	TD1	195,196	2	17		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN DUNG	TD1	194	1	17		67	ANTOAN	Vietnamese
15	LÊ VĂN THẮNG	TD1	31	1	13	42	65	XAYLAP	Vietnamese
16	TRƯƠNG THÈ HUY	TD1	198-199	2	21		63	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN KHẮC QUÝ	TD1	99,193	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN CẢNH CHUNG	TD1	197	1	14		49	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM HỒNG DIỆN	TD1	95	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH BANG	TD1	200,30	2	13		88	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

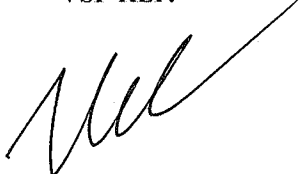
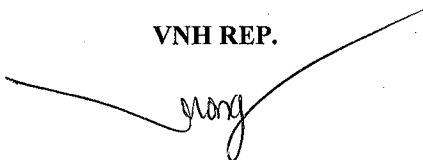
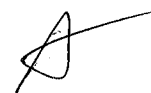
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	2	2	8	150	0	0		
2	RC3	0	0	0	0	0	1		
3	TD1	18	23	176	1.297	102	20		
TOTAL		20	25	184	1.447	102	21		
WEIGHT KG				184	1.447	102			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/03/2024	TO: P10 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - Son - Vũ	ETA: 09:20
xanh-1			

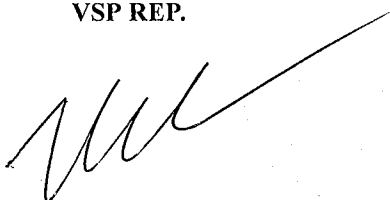
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IAKIMIDI R	P10	33	1	10		100	KH-THAC	Russian
2	PHẠM VĂN HUƠNG	P10	29	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ THANH LIÊM	P10	26	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THAO	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC KHANH	P10	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ ĐĂNG HOANG	P10	27	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN PHŨ	P10	34	1	5		80	YTE	Vietnamese
8	HOANG SỸ NGUYỄN	P10	30	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CƯƠNG	P10	32	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN KHANH TOAN	P10	31	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HUU LƯU	P10	35-36	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	DATSKO PAVEL	CLO	11	1	10		110	KHOAN	Russian
13	VOROBYEV SERGEY	CLO	13	1	10		100	KHOAN	Russian
14	LÊ MẠNH THĂNG	CLO	16	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	15	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN TRUNG THANH	CLO	12	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG TÂM	CLO	09	1	5	15	70	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN HỮU SƠN	CLO	10	1	5	15	70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	21-22	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
20	ĐO THANH LIÊM	CLO	17	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU HẬU	CLO	18-19	2	5		90	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN QUANG HOANG	CLO	14	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	11	11	60	845	0	10		
2	CLO	11	13	70	852	30	12		
TOTAL		22	24	130	1.697	30	22		
WEIGHT KG				130	1.697	30			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: P4 - P2	CREW: VThắng - NPhú - THỤ	ETA: 09:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH NAM	P4	95	1	5		73	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU TRINH	P4	94	1	7		77	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN HUY HIẾU	P4	96	1	15		82	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN MẠNH HÙNG	P4	24-25	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐỖ MẠNH HÙNG	P4	23	1	11	20	60	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM THAI SƠN	P4	97,400	2	15		92	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH LINH	P4	26-27	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	P2	02	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HỒNG	P2	277	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ VĂN NGHỊ	P2	77	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	01	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH BÀ HOÀNG NAM	P2	76	1	10		97	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	79	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ NGỌC LUƠNG	P2	05	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	278	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI HOÀNG TÂM	P2	08	1	6	60	77	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM THIÊN NAM	P2	04	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ HUY HÙNG	P2	06	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH VĂN HAI	P2	78	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	07	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG MINH QUÂN	P2	09	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HIỆP	P2	03	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

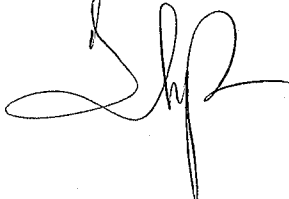
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	7	10	90	537	20	4		
2	P2	15	15	96	1.045	60	18		
TOTAL		22	25	186	1.582	80	22		
WEIGHT KG				186	1.582	80			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: BK10 - P10	CREW: TTrung - Son - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN CƯỜNG	BK10	45	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	44	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	300	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK10	46	1	8	40	67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN KHAI	BK10	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI CAO ĐỊNH	BK10	47	1	5		50	PSV	Vietnamese
7	LÊ QUANG ĐẠO	P10	08-09	2	18		82	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	12	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	11	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NAM	P10	06-07	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TIỀN PHƯỢNG	P10	70	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ PHƯƠNG HƯƠNG	P10	40	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	02	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	38	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN BAO TOÀN	P10	04-05	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10					90	KH-THAC	Vietnamese
17	HUỲNH CÔNG VĂN	P10	37	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ NGỌC THANH	P10	39	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NĂNG	P10	03	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	PHẠM MINH TÂM	P10	10	1	10		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH QUANG	P10	41	1	5		63	PSV	Vietnamese
22	LE VAN DUC	P10	01	1	5		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	6	6	31	406	40	5		
2	P10	16	18	105	1.135	0	17		
TOTAL		22	24	136	1.541	40	22		
WEIGHT KG				136	1.541	40			

GRAND TOAL: 1.717 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 7	TO: P3 - BK3 - TD3	CREW: L ^{Tuấn} - MTHAO - PTUẤN	ETA: 14:05
Hồng - 3			

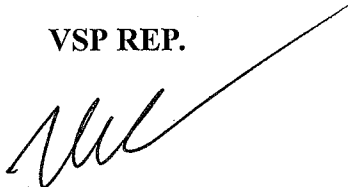
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH TUẤN	P3	60-61	2	13		73	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU TRƯỞNG	P3	58-59	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẶNG THẮNG LONG	P3	62-63	2	21	25	79	XAYLAP	Vietnamese
4	DUONG CHI TUYEN	BK3	77	1	12		66	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG DINH QUE	BK3	79	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
6	LE CONG VINH	BK3	80	1	4	30	74	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI TRAN VIET	BK3	82	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
8	PHUNG CONG DU	BK3	81	1	15		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TRUNG	BK3	78	1	10		77	PSV	Vietnamese
10	VŨ DUY KHÁNH	TD3	20	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG ĐAN	TD3	21	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH TUẤN	TD3	22	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	TD3	29	1	13		81	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG TUYẾN	TD3	30	1	13		64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUÝ TÀI	TD3	27	1	14		57	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HỒNG CƯỜNG	TD3	25-26	2	21	30	71	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN NGỌC THƯỜNG	TD3	28	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN TRỌNG SƠN	TD3	24	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ VĂN ĐỨC	TD3	31	1	4		68	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HỮU	TD3	40	1	8		57	PSV	Vietnamese
21	DUONG VAN TUYEN	TD3	23	1	16		92	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	3	6	49	227	25	0		
2	BK3	6	6	56	442	30	5		
3	TD3	12	13	131	847	30	14		
TOTAL		21	25	236	1.516	85	19		
WEIGHT KG				236	1.516	85			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/03/2024	TO: P9	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:20
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: TUYỀN - M.Đức - Toan	ETA: 14:10
CAM-3			

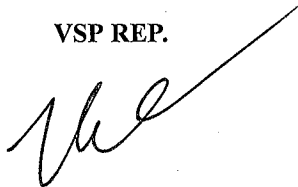
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO THANH HUNG	P9	37	1	6		68	YTE	Vietnamese
2	HOANG VAN HOA	P9	41	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN XUAN HUONG	P9	42	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TUAN ANH	P9	39	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	LE LANG TU	P9	30	1	12		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HOAI THANH	P9	35	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TUNG	P9	09	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VU NAM GIANG	P9	31-32	2	8		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HUY	P9	07	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MINH HIEN	P9	40	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
11	TRINH THE NHAN	P9	38	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
12	LE NGOC ANH	P9	33	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
13	HUA SAY	P9	43	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐANG ĐỨC HAI	P9	28	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRINH HUY KHIEM	P9	29	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN ĐỨC THANH	P9	36	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN DAT	P9	08	1	13		61	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG THANH	P9					71	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN NGHI	P9	10	1	5		68	PSV	Vietnamese
20	LE VAN VIET	P9	44	1	3		80	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN QUANG	P9	34	1	6		66	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC TUAN	P9	43	1	6		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

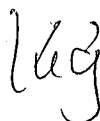
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	22	22	126	1.525	0	22		
	TOTAL	22	22	126	1.525	0	22		
	WEIGHT KG			126	1.525	0			

GRAND TOAL: 1.651 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Lưu VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/03/2024	TO: P11 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LTuấn - MTHAO - PTUẤN	ETA: 11:45
CAM-2			

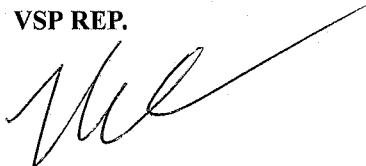
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN THANH GIANG	P11	47-48	2	15		53	XAYLAP	Vietnamese
2	TRINH HONG SON	P11	44-45	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC KIM	P11	41,43	2	19		61	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI THANH LONG	P11	40	1	13		85	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN MINH TIEN	P11	46	1	18		69	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN KIM SON	P11	42	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG BANG	P11	34-35	2	10	14	67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐAO THIEN THUAT	P11	49	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG CONG PHUNG	P11	38-39	2	11		77	KH-THAC	Vietnamese
10	DINH THIEN TUNG	P11	50	1	13		77	KH-THAC	Vietnamese
11	LE THANH THAI	CLO	46	1	19		93	KHOAN	Vietnamese
12	QUACH THE ANH	CLO	44-45	2	19		67	KHOAN	Vietnamese
13	VAN DINH QUANG	CLO	33-34	2	11		63	KHOAN	Vietnamese
14	ĐO TRUONG THINH	CLO	36	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
15	VU HUU CHINH	CLO	40	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
16	LUU TIEN THANH	CLO	41-42	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
17	MAI TIEN THANH	CLO	43	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN SON TUNG	CLO	50	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VAN PHUONG	CLO	48	1	3		63	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN ĐANG NHAN	CLO	49	1	3		68	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN HUU HOANG QUAN	CLO	39	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
22	LUONG NGOC KHUONG	CLO	37-38	2	7	21	77	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	10	15	127	679	14	2		
2	CLO	12	16	95	863	21	20		
TOTAL		22	31	222	1.542	35	22		
WEIGHT KG				222	1.542	35			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

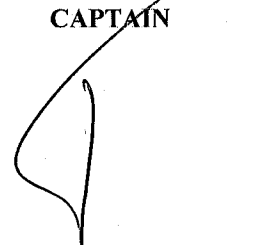
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	TO: P11 - P9	CREW: CHIẾN - N.ANH - MQUÂN	ETA: 11:50
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	P11	18	1	11		79	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN CÔNG HUY	P11	20	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN XUÂN HÌNH	P11	919	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC TIỀN	P11	33-34	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HOANG SANG	P11	30	1	17		92	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ PHẠM THANH HUY	P11	31-32	2	17		83	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P11	28-29	2	16		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN KHAC PHI	P11	25	1	11		67	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	P11	21-22	2	22		66	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ĐUÔNG	P11	23-24	2	23		68	XAYLAP	Vietnamese
11	LE VAN KIEU CANH	P11	19	1	7		73	PSV	Vietnamese
12	TRẦN QUANG HUY	P11	27	1	5		86	PSV	Vietnamese
13	PHẠM PHU BÌNH	P11	26	1	6		67	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG PHUC ANH	P11	17	1	7		60	PSV	Vietnamese
15	TRẦN QUANG PHU	P11	35-36	2	12		60	DK9	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG TÂM	P9	69	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THANH HOÀI	P9	67-68	2	13	17	106	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC CHÂN	P9	66	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	65	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TIỀN TUỆ	P9	64	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC TÂN	P9	70	1	11		78	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN BÀ KÝ	P9					79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	15	21	178	1.096	0	13		
2	P9	7	7	50	535	17	9		
TOTAL		22	28	228	1.631	17	22		
WEIGHT KG				228	1.631	17			

GRAND TOAL: 1.876 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/03/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+RC5+VSP02	7:25	14+5+1	0+0+0		13+4+5	0+0+0	
2		RP3+MRM	7:25	12+10	0+0		11+11	0+0	
3		RP3+GTC1	7:25	22+0	0+0		16+6	0+0	
4		P7+P4	9:25	5+17	0+0+0		1+20	0+0+0	
5		PPD+P11+P4	9:25	10+11+0	0+0+0		9+8+5	0+0+0	
6		PPD+P6+BK21	9:25	20+0+0	0+0+0		15+4+0	0+0+0	chuyen 3 pax P6-BK21
7		TD1+RP3+RP1	11:25	1+15+6	0+0+0		0+13+9	0+0+0	

TBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/1 người Td2 về đi TD1



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD2 - RC5 - VSP02	CREW: TUYỀN - N.Cương - Thành	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VANEEV DMITRIY	TD2	70	1	8		92	KHOAN	Russian
2	GROMOV SERGEY	TD2	75	1	8		85	KHOAN	Russian
3	BUI HUU HONG	TD2	72	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	73	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH BINH	TD2	99	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRUNG THO	TD2					72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TUNG	TD2	71	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
8	DO VAN HUNG	TD2	76-77	2	13		68	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN TRONG ANH	TD2	79	1	5	38	75	KHOAN	Vietnamese
10	TRINH HONG SON	TD2	68	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN THANG	TD2	74	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
12	LE PHU	TD2	69	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN CONG HIEN	TD2	78	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MANH HOAN	TD2	64	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
15	LE MINH SY	RC5	06	1	10	40	77	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN KHANH HUNG	RC5	07	1	10	55	69	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN HUU HO	RC5	08	1	9		68	CODIEN	Vietnamese
18	LE TUAN ANH	RC5	75-76	2	17	17	73	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN HONG QUAN	RC5	04-05	2	20		72	CODIEN	Vietnamese
20	VU VAN PHUC	VSP02	64	1	4		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	14	14	86	1.053	38	13		
2	RC5	5	7	66	359	112	4		
3	VSP02	1	1	4	55	0	5		
TOTAL		20	22	156	1.467	150	22		
WEIGHT KG				156	1.467	150			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/03/2024	TO: RP3 - MRM	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: KHOÀN - NPhú - QTrưởng	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ LƯỢNG	RP3					68	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ VĂN DOANH	RP3					73	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ VĂN HUNG	RP3	97	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐAM	RP3	89	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
5	KHUAT QUANG KIẾN	RP3	98	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
6	ZHDANOV VLADIMIR	RP3	99	1	17		133	KHOAN	Russian
7	BUI VĂN HUNG	RP3					79	KHI	Vietnamese
8	TU NGỌC HAI	RP3	90-91	2	13		78	KHI	Vietnamese
9	NGÔ THANH LAM	RP3	92	1	2	20	67	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3					67	KHI	Vietnamese
11	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	95-96	2	6		67	KHI	Vietnamese
12	VŨ MẠNH CUÔNG	RP3	93-94	2	6		72	KHI	Vietnamese
13	KIEU TUÂN ANH	MRM	24-25	2	12		85	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN HUNG DŨNG	MRM	26	1	12		75	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THỦ	MRM	23	1	16		62	DVL	Vietnamese
16	LÊ PHU PHÚC	MRM	22	1	7		82	DVL	Vietnamese
17	LƯU ĐÌNH TRỌNG	MRM	15	1	15		82	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NAM	MRM	20-21	2	20		67	DVL	Vietnamese
19	LY NHẬT TRƯỞNG	MRM	16	1	13		78	DVL	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TUÔNG	MRM	18	1	10		80	DVL	Vietnamese
21	TRẦN CÔNG CHIẾN	MRM	17	1	12		80	DVL	Vietnamese
22	PHẠM TÙNG VY	MRM	19	1	12		64	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	12	11	62	927	20	11		
2	MRM	10	12	129	755	0	11		
TOTAL		22	23	191	1.682	20	22		
WEIGHT KG				191	1.682	20			

GRAND TOAL: 1.893 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: RP3 - GTC1	CREW: LHải - VTHU - dũng	ETA: 09:30
VANG-1			

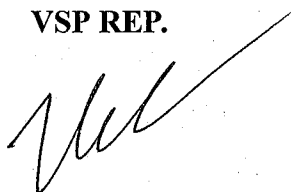
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HOÀNG ANH	RP3	41	1	5		67	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	46	1	4		70	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	48	1	5		83	KHI	Vietnamese
4	PHẠM DUY DŨNG	RP3				100	81	KHI	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN CHIẾN	RP3	37-38	2	12		65	KHI	Vietnamese
6	DUƠNG VĂN VẠO	RP3	51	1	3		80	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TÂN HOÀNG	RP3	50	1	5		66	KHI	Vietnamese
8	HỒ DIỄN BẢO	RP3	58-59	2	11		63	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN BA TRIẾT	RP3	52	1	6		70	KHI	Vietnamese
10	LÊ VĂN ĐẠI	RP3	53-54	2	18		73	KHI	Vietnamese
11	LÊ QUANG HUY	RP3	55-57	3	20		71	KHI	Vietnamese
12	KHÔNG TIẾN DŨNG	RP3	49	1	5		76	KHI	Vietnamese
13	PHAN ANH KHANG	RP3	35-36	2	10		67	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY HÙNG	RP3	42	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
15	BUI NGỌC LAM	RP3	39-40	2	6		75	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	RP3	47	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN TUẤN LONG	RP3	45	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HÙNG	RP3	44	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
19	HOÀNG THANH HOA	RP3	43	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯƠNG QUANG THƯƠNG	RP3	33-34	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ HOÀNG VŨ	RP3	32	1	4		72	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH TRUNG	RP3	60-61	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

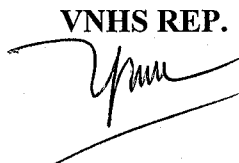
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	30	169	1.551	100	16		
2	GTC1	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	30	169	1.551	100	22		
WEIGHT KG				169	1.551	100			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: P7 - P4	CREW: CHIÊN - N.Cương - Thành	ETA: 11:40
XANH-2			

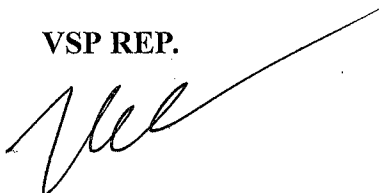
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE VAN QUYEN	P7	90	1	8		63	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN TRUNG THANG	P7	91	1	7		83	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN TUAN KHAI	P7	94-95	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN QUANG HAI	P7	96-97	2	15		85	GPWS	Vietnamese
5	VU TIEN THANH	P7	92-93	2	15		76	GPWS	Vietnamese
6	TRAN DUY KHUONG	P4	18	1	5		88	KHI	Vietnamese
7	LE VAN HUONG	P4	21	1	6		66	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN BACH DUONG	P4	19	1	7		73	KHI	Vietnamese
9	TRAN SON NAM	P4	14	1	5		88	KHI	Vietnamese
10	ZHURBIN N. B.	P4	13	1	6		93	KHI	Russian
11	ZAGUDAEV	P4	12	1	4		78	KHI	Russian
12	NGUYEN MINH CANG	P4	15	1	5		77	KHI	Vietnamese
13	HOANG VAN HUNG	P4					75	KHI	Vietnamese
14	TA VAN QUYNH	P4	17	1	7		68	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN CHIEN CONG	P4	20	1	5		67	KHI	Vietnamese
16	BUI DANG TIEN	P4	08	1	6		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN HUU LUAN	P4	19,99	2	10		77	KHI	Vietnamese
18	TRAN SON TIEN	P4	98	1	7		67	KHI	Vietnamese
19	LE TRUNG LAM	P4					73	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VIET THANG	P4	09-10	2	10		75	KHI	Vietnamese
21	LE VAN BA	P4	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HUU THANH	P4					68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

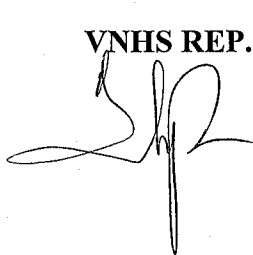
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	5	8	55	381	0	1		
2	P4	17	16	88	1.273	0	20		
TOTAL		22	24	143	1.654	0	21		
WEIGHT KG				143	1.654	0			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

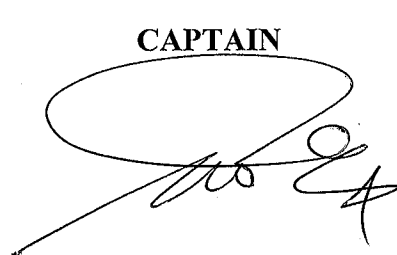
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



Liêu VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2024	TO: PPD - P11 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: XHOÀN - NPhú - QTrưởng	ETA: 11:45
CAM-2			

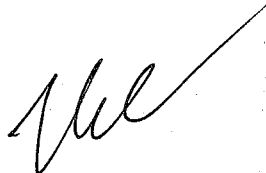
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	AVDEEV A.S.	PPD	92	1	10		120	NIPI	Russian
2	OSIPOV M. A.	PPD	93	1	5		94	NIPI	Russian
3	KUSTOV A A.	PPD	97	1	7		96	NIPI	Russian
4	LE TRAN MINH DAT	PPD	92	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
5	LAM QUANG NAM	PPD	91	1	9		79	KHI	Vietnamese
6	HOANG MINH HIEU	PPD	95	1	5		72	KHI	Vietnamese
7	BINH THE QUAN	PPD	94	1	7		69	KHI	Vietnamese
8	PHAM DUC TUAN	PPD	89	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	BUI HUU LAN	PPD	96	1	4		76	KHI	Vietnamese
10	PHAM VAN SON	PPD	98	1	10		54	KHI	Vietnamese
11	PHAN VAN HUNG	P11	37	1	16	10	62	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN XUANTRUONG	P11	51	1	9		76	CODIEN	Vietnamese
13	PHAM HOANG	P11	54-55	2	16		62	CODIEN	Vietnamese
14	DANG TIEN TOAN	P11	47-48	2	16		71	CODIEN	Vietnamese
15	VU QUOC TUAN	P11	46	1	12		82	XAYLAP	Vietnamese
16	LE HOANG LIEM	P11	43	1	7		85	XAYLAP	Vietnamese
17	NINH VAN SON	P11	52-53	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
18	CU THE CANH	P11	44-45	2	13		57	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN DAI THANG	P11	49-50	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
20	DO TIEN MANH	P11	39-40	2	20		79	XAYLAP	Vietnamese
21	TRINH VAN BAU	P11	41-42	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAM CONG DIEN	P4					73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	10	10	69	807	0	9		
2	P11	11	18	151	779	10	8		
3	P4	1	0	0	73	0	5		
TOTAL		22	28	220	1.659	10	22		
WEIGHT KG				220	1.659	10			

GRAND TOAL: 1.889 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Xuân VSP



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	TO: PPD - P6 - BK21	CREW: LHải - VTHU - dững	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	14-15	2	16		70	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN VINH	PPD	22	1	7		75	KHI	Vietnamese
3	ĐO VĂN TỰ	PPD	17	1	6		68	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	23	1	6		65	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	24	1	8		68	KHI	Vietnamese
6	PHẠM HỒNG THAI	PPD	18	1	4		70	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	19	1	6		78	KHI	Vietnamese
8	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	13	1	7		90	KHI	Vietnamese
9	ĐANG VĂN BAN	PPD					84	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	20	1	11		52	KHI	Vietnamese
11	HOÀNG HUY TIỀN	PPD	12	1	6		60	KHI	Vietnamese
12	TRẦN SƠN HẢI	PPD	16	1	6		75	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH CƯƠNG	PPD	21	1	8		73	KHI	Vietnamese
14	ĐINH VĂN TRƯỞNG	PPD	10-11	2	13		78	NIPI	Vietnamese
15	SMETANENKO V. A.	PPD	28	1	5		96	NIPI	Russian
16	SVYATOKHO V.V.	PPD	25	1	6		82	NIPI	Russian
17	ASTAKHOV A.A.	PPD	27	1	7		114	NIPI	Russian
18	DVOEGLAZOV A.V	PPD	26	1	9		85	NIPI	Russian
19	ĐINH NGỌC QUY	PPD	09	1	5		78	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	20	136	1.461	0	15		CHUYEN 3 PAX P6-BK21
2	P6	0	0	0	0	0	4	3	
3	BK21	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		19	20	136	1.461	0	19		
WEIGHT KG				136	1.461	0			

GRAND TOAL: 1.597 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Liệu VSP



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	TO: TD1 - RP3 - RP1	CREW: CHIẾN - Sơn - Vũ	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TIEN	TD1	800	1	8		85	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN VAN TUYET	RP3	16	1	16		76	DVL	Vietnamese
3	VO CHI THANH	RP3	17-18	2	20		70	DVL	Vietnamese
4	PHAN VINH TRUONG	RP3	15	1	12		70	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN DUC LONG	RP3	09-10	2	14		67	DVL	Vietnamese
6	VU BAO THANH	RP3	06	1	10	12	81	NIPI	Vietnamese
7	HOANG DINH CHIEN	RP3	12-13	2	7		67	PSV	Vietnamese
8	BUI VAN TUAN	RP3	08	1	6		70	PSV	Vietnamese
9	DOAN VAN AN	RP3	01	1	7		70	PSV	Vietnamese
10	BUI VAN LONG	RP3	02	1	3		70	PSV	Vietnamese
11	TRAN BA MAU	RP3	04	1	5		63	PSV	Vietnamese
12	LE TUAN VU	RP3	11	1	7		100	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN HIEU	RP3	14	1	4		57	PSV	Vietnamese
14	PHAM VAN HOANG	RP3	19	1	4		62	PSV	Vietnamese
15	DOAN TUAN ANH	RP3	05	1	4		63	PSV	Vietnamese
16	LE PHUOC DUC	RP3	03	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN DUC THANG	RP1	62	1	9		99	PSV	Vietnamese
18	HA QUOC VINH	RP1	63	1	4		68	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN KHANH CHAN	RP1	60	1	5	25	58	PSV	Vietnamese
20	LE VAN QUY	RP1	64	1	11		78	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN HUAN	RP1	59	1	3		73	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN MINH GIAU	RP1	61	1	4		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	1	1	8	85	0	0		
2	RP3	15	18	124	1.051	12	13		
3	RP1	6	6	36	442	25	9		
TOTAL		22	25	168	1.578	37	22		
WEIGHT KG				168	1.578	37			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Signature VSP

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/03/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD5	7:25	10+12	0+0		9+13	0+0	
2		TD3+TD5	11:25	17+1	0+0		10+12	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2024	TO: TD3 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: NO 1	FROM: VT	CREW: VThắng - N.ANH - Huy	ETA: 09:20
xanh-1			

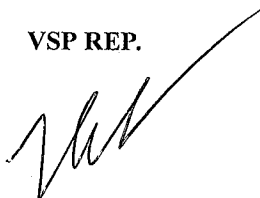
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG HÒA	TD3	37-38	2	18		70	KHOAN	Vietnamese
2	ĐOÀN QUANG BẮC	TD3	39	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
3	ĐO DUY CHÍNH	TD3	17	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
4	BUI CÔNG SƠN	TD3	34-35	2	6		68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH CHUNG	TD3	09-10	2	19		88	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ HỒNG VƯƠNG	TD3	36	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	33	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	32	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ ANH XUÂN	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN NHƯ Y	TD5					71	KHOAN	Vietnamese
12	TRỊNH DUY THANH	TD5	54-55	2	13		78	KHOAN	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN SỰ	TD5					84	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN HIỀN	TD5	53	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	45	1	7		61	KHOAN	Vietnamese
16	TRỊNH ANH TRƯỜNG	TD5	44	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
17	VU XUÂN ANH	TD5	48	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ XUÂN THƯỜNG	TD5	50-51	2	11		59	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD5	46	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH HIẾU	TD5	47	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ VIỆT THẮNG	TD5	52	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	49	1	7		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	10	11	79	737	0	9		
2	TD5	12	12	77	843	0	13		
TOTAL		22	23	156	1.580	0	22		
WEIGHT KG				156	1.580	0			

GRAND TOAL: 1.736 KGS.

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2024	TO: TD3 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: VThắng - N.ANH - Huy	ETA: 11:40
CAM-2			

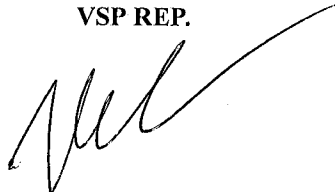
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	58	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ THẾ HÙNG	TD3	60	1	12		68	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ HỮU HÙNG	TD3	56	1	12		74	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ THANH TÙNG	TD3	57-58	2	15		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN GIN	TD3	91	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG MINH TUẤN	TD3	59	1	15		82	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD3	05-06	2	20		55	CODIEN	Vietnamese
8	HÀ QUANG HUY	TD3	04	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
9	LƯU VĂN DÂN	TD3	01	1	15	55	62	CODIEN	Vietnamese
10	MAI ĐÌNH KHANG	TD3	55	1	12		51	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ NGỌC ANH	TD3	02-03	2	20		74	CODIEN	Vietnamese
12	CAO XUÂN VINH	TD3	62	1	15		84	PVDWS	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN TƯỢNG	TD3	59	1	12		68	PVDWS	Vietnamese
14	SIDORSKIY DMITRY	TD3	57	1	13		96	ANTOAN	Russian
15	LÊ THANH TỰ	TD3	08	1	8		76	DVL	Vietnamese
16	ĐỖ THANH HẢI	TD3	07	1	9		69	DVL	Vietnamese
17	ĐẶNG VIỆT THANH	TD3	60-61	2	15		65	PSV	Vietnamese
18	TRẦN ĐẶC THĂNG	TD5	56	1	5	30	71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

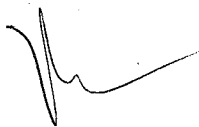
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	17	21	216	1.192	55	10		
2	TD5	1	1	5	71	30	12		
TOTAL		18	22	221	1.263	85	22		
WEIGHT KG				221	1.263	85			

GRAND TOAL: 1.569 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Lưu VSP